

**QUY ĐỊNH THỰC HIỆN ỦY BAN (EU) 2021/1935****của 8 Tháng Mười Một 2021****sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2019/723 liên quan đến thông tin và dữ liệu về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ được nộp bằng mẫu tiêu chuẩn****(Văn bản có liên quan đến EEA)**

ỦY BAN CHÂU ÂU,

Liên quan đến Hiệp ước về chức năng của Liên minh châu Âu,

Liên quan đến Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 15 tháng 3 năm 2017 về kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác được thực hiện để đảm bảo áp dụng luật thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, các quy tắc về sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật và các sản phẩm bảo vệ thực vật, sửa đổi Quy định (EC) số 999/2001, (EC) số 396/2005, (EC) số 1069/2009, (EC) 1107/2009, (EU) số 1151/2012, (EU) số 652/2014, (EU) 2016/429 và (EU) 2016/2031 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng, Quy định của Hội đồng (EC) số 1/2005 và (EC) số 1099/2009 và Chỉ thị của Hội đồng 98/58/EC, 1999/74/EC, 2007/43/EC, 2008/119/EC và 2008/120/EC, và bãi bỏ Quy định (EC) số 854/2004 và (EC) số 882/2004 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu, Chỉ thị của Hội đồng 89/608 / EEC, 89/662 / EEC, 90/425 / EEC, 91/496 / EEC, 96/23 / EC, 96/93 / EC và 97/78 / EC và Quyết định của Hội đồng 92/438 / EEC (Quy định kiểm soát chính thức) <sup>(1)</sup>, và đặc biệt là Điều 25, đoạn đầu tiên, điểm (a), Điều 113 (2) và Điều 134, đoạn đầu tiên, điểm (f), trong đó,

Trong khi đó:

- (1) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/723 <sup>(2)</sup> thiết lập mẫu mẫu tiêu chuẩn được sử dụng trong các báo cáo hàng năm do mỗi Quốc gia Thành viên đệ trình theo Điều 113 (1) của Quy định (EU) 2017/625.
- (2) Mục 9 của mẫu mẫu tiêu chuẩn đó yêu cầu các Quốc gia Thành viên báo cáo dữ liệu hữu cơ theo các mẫu được nêu trong Phụ lục XIIIc của Quy định Ủy ban (EC) số 889/2008 <sup>(3)</sup>.
- (3) Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu <sup>(4)</sup> đưa ra các quy tắc mới về kiểm soát sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ, bao gồm các kiểm soát để xác minh việc thiết lập và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của các nhóm nhà khai thác và kiểm tra lại số lượng tối thiểu các nhà khai thác là thành viên của một nhóm các nhà khai thác. Ngoài ra, các quốc gia thành viên sẽ phải xây dựng một danh mục quốc gia về các biện pháp được thực hiện trong trường hợp không tuân thủ, bao gồm phân loại các biện pháp không tuân thủ và các biện pháp tương ứng. Các quốc gia thành viên sẽ phải báo cáo về các biện pháp kiểm soát chính thức xuất phát từ các quy tắc mới đó và cung cấp thông tin về các hành vi không tuân thủ được phát hiện và việc thực thi các biện pháp theo danh mục các biện pháp quốc gia của họ.
- (4) Để tính đến các quy tắc và yêu cầu mới đó trong báo cáo hàng năm được đệ trình theo Điều 113 (1) của Quy định (EU) 2017/625, Mục 9 của Phần II của mẫu mô hình tiêu chuẩn cần được cập nhật.

(5) Do đó, Quy định thực hiện (EU) 2019/723 cần được sửa đổi cho phù hợp.

(6) Các biện pháp quy định trong Quy chế này phù hợp với ý kiến của Ủy ban sản xuất hữu cơ,

**ĐÃ THÔNG QUA QUY ĐỊNH NÀY:**

*Điều 1*

Quy định thực hiện (EU) 2019/723 được sửa đổi như sau:

1. Điều 2 được thay thế bằng các nội dung sau:

*'Điều 2*

**Mẫu mô hình tiêu chuẩn**

Các quốc gia thành viên phải gửi thông tin và dữ liệu nêu tại Điều 113(1) của Quy định (EU) 2017/625 bằng mẫu mẫu tiêu chuẩn được nêu trong Phụ lục của Quy định này. Điều này sẽ được thực hiện bằng cách sử dụng phiên bản điện tử của mẫu tiêu chuẩn được cung cấp trong hệ thống quản lý thông tin máy tính để kiểm soát chính thức (IMSOC). Tuy nhiên, đối với các thông tin và dữ liệu về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ nêu tại Mục 9 Phần II của mẫu đó, Hệ thống thông tin nông nghiệp hữu cơ (OFIS) sẽ được sử dụng.

Các Quốc gia Thành viên sau đó sẽ xác nhận trong phiên bản điện tử của mẫu mẫu tiêu chuẩn trong IMSOC rằng Mục 9 của Phần II của mẫu đó đã được đệ trình trong OFIS.;

2. Trong Phụ lục, Mục 9 của mẫu mẫu tiêu chuẩn được thay thế bằng văn bản quy định tại Phụ lục của Quy chế này.

*Điều 2*

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau khi được công bố trên *Tạp chí Chính thức của Liên minh Châu Âu*.

Chương trình áp dụng từ ngày 1/9/2022 đối với các báo cáo thường niên nộp trước ngày 31/8/2023 cho năm 2022 và các báo cáo thường niên tiếp theo.

Quy định này sẽ ràng buộc toàn bộ và áp dụng trực tiếp ở tất cả các Quốc gia Thành viên.

Thực hiện tại Brussels, ngày 8 tháng 11 năm 2021.

*Đối với Ủy ban*

*Tổng thống*

Ursula VON DER LEYEN

---

(<sup>1</sup>) [OJ L 95, 7.4.2017, tr. 1.](#)

(<sup>2</sup>) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/723 ngày 2 tháng 5 năm 2019 đặt ra các quy tắc áp dụng Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến mẫu mẫu tiêu chuẩn sẽ được sử dụng trong các báo cáo hàng năm do các Quốc gia Thành viên đệ trình ([OJ L 124, 13.5.2019, trang 1](#)).

(<sup>3</sup>) Quy định của Ủy ban (EC) số 889/2008 ngày 5 tháng 9 năm 2008 đặt ra các quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ liên quan đến sản xuất, ghi nhãn và kiểm soát hữu cơ ([OJ L 250 18.9.2008, trang 1](#)).

(<sup>4</sup>) Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ([OJ L 150, 14.6.2018, trang 1](#)).

## ANNEX

### '9. Sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ

9.1. *Kết luận chung về mức độ tuân thủ đạt được*

9.2. *Dữ liệu không phải trả tiền*

#### Xác định Quốc gia Thành viên/cơ quan có thẩm quyền đệ trình báo cáo hàng năm

| Dữ liệu lấy từ                                                           | Quốc gia thành viên               |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| Số lượng cơ quan có thẩm quyền đã tích hợp dữ liệu<br>(A)                | Số lượng cơ quan có thẩm quyền    |
| Số lượng cơ quan kiểm soát trong đó dữ liệu đã được tích hợp<br>(B)      | Số lượng cơ quan kiểm soát        |
| Số lượng cơ quan kiểm soát trong đó dữ liệu đã được tích hợp<br>(C)      | Số lượng cơ quan kiểm soát        |
| Tổng số cơ quan / cơ quan có dữ liệu đã được tích hợp<br>(A) + (B) + (C) | Tổng số cơ quan/cơ quan chức năng |
| Kỳ báo cáo                                                               | Năm                               |

**Bảng 1**

**Số lượng kiểm soát cho tất cả các cơ quan có thẩm quyền – cơ quan kiểm soát – cơ quan kiểm soát (tất cả các bài viết tham khảo Quy định (EU) 2018/848)**

**1. Nhà khai thác đã đăng ký sở hữu chứng chỉ vào ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo**

|  | Mã số hoặc tên cơ quan có thẩm quyền/cơ quan kiểm soát/cơ | Số lượng nhà khai thác | Số lần xác minh sự tuân thủ | Số lượng kiểm soát chính thức tại chỗ được thực hiện |                            |                        |                             | Số mẫu lấy Điều 38(4)(c) |                 |
|--|-----------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------|
|  |                                                           |                        |                             | Kiểm soát hàng năm                                   | Điều 38(4)(b) dựa trên rủi | Tổng số biện pháp kiểm | Trong đó Điều 38(4)(a) chưa | Tổng số mẫu              | Số lượng mẫu có |

|      | quan kiểm<br>soát                                                                                                            |  | Điều<br>38(3)<br><br>(vật<br>lý và<br>phi<br>vật<br>lý) | Điều<br>38(3) | ro bổ<br>sung | soát:<br>Điều<br>38(3) &<br>38(4)(b); | được<br>công bố |  | phát<br>hiện |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------|---------------|---------------|---------------------------------------|-----------------|--|--------------|
| 1.a. | Số lượng cơ quan có<br>thẩm quyền/cơ quan<br>kiểm soát/cơ quan<br>kiểm soát 1                                                |  |                                                         |               |               |                                       |                 |  |              |
| 1.b. | Số lượng cơ quan có<br>thẩm quyền/cơ quan<br>kiểm soát/cơ quan<br>kiểm soát 2                                                |  |                                                         |               |               |                                       |                 |  |              |
| 1.c. | Số cho cơ quan có<br>thẩm quyền/cơ quan<br>kiểm soát/cơ quan<br>kiểm soát 3                                                  |  |                                                         |               |               |                                       |                 |  |              |
| ...  | <i>Tiếp tục và liệt kê tất<br/>cả các cơ quan / cơ<br/>quan chức năng</i>                                                    |  |                                                         |               |               |                                       |                 |  |              |
|      |                                                                                                                              |  |                                                         |               |               |                                       |                 |  |              |
|      | Tổng số cho tất cả<br>các cơ quan có thẩm<br>quyền/cơ quan kiểm<br>soát/cơ quan kiểm<br>soát [tổng<br>(1.a.+1.b.+1.c.+....)] |  |                                                         |               |               |                                       |                 |  |              |

## 2. Các nhóm nhà khai thác (GoO) sở hữu chứng chỉ vào ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo

|    | Mã số hoặc tên<br>cơ quan có<br>thẩm quyền/cơ<br>quan kiểm<br>soát/cơ quan<br>kiểm soát              | Số<br>lượng<br>nhóm | Xác<br>định<br>nhóm | Tổng số<br>toán tử<br>là thành<br>viên của<br>nhóm | Tổng số<br>kiểm<br>soát<br>chính<br>thức đối<br>với các<br>nhóm | Số lần<br>kiểm tra<br>lại đối với<br>thành<br>viên của<br>các nhóm | Kiểm<br>tra<br>trong<br>đó lấy ít<br>nhất 1<br>mẫu |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 2. | Tổng số cho tất cả<br>các nhóm nhà khai<br>thác cho tất cả các<br>cơ quan có thẩm<br>quyền / cơ quan |                     |                     |                                                    |                                                                 |                                                                    |                                                    |

|       |                                                                                                                              |  |  |  |  |  |  |  |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|
|       | kiểm soát / cơ quan kiểm soát                                                                                                |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.a.  | Số lượng cơ quan có thẩm quyền/cơ quan kiểm soát/cơ quan kiểm soát 1                                                         |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.A.1 | Nhóm các nhà khai thác a.1                                                                                                   |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.A.2 | Nhóm các quốc gia sử dụng a.2                                                                                                |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.a.  | Nhóm các nhà khai thác a.                                                                                                    |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.b.  | Số lượng cơ quan có thẩm quyền/cơ quan kiểm soát/cơ quan kiểm soát 2                                                         |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.B.1 | Nhóm các bên sử dụng b.1                                                                                                     |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.b.2 | Nhóm các bên sử dụng b.2                                                                                                     |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.b.  | Nhóm các nhà khai thác b                                                                                                     |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.c   | <i>Tiếp tục và liệt kê tất cả các nhóm người vận hành theo cơ quan có thẩm quyền / cơ quan kiểm soát / cơ quan kiểm soát</i> |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.c   | Nhóm các nhà khai thác ...                                                                                                   |  |  |  |  |  |  |  |

**Bảng 2**

## **KHÔNG TUÂN THỦ**

**Dữ liệu theo cơ quan có thẩm quyền / cơ quan kiểm soát / cơ quan kiểm soát**

**1. Loại và số lượng các trường hợp không tuân thủ nghiêm trọng và nghiêm trọng được thiết lập**

|      |                                                                                                   | Tên hoặc mã số của cơ quan có thẩm quyền/cơ quan kiểm soát/cơ quan kiểm soát | Loại trường hợp cho mỗi loại không tuân thủ được thiết lập trong quá trình kiểm soát chính thức được thực hiện |                         |                                        |          |                   |                 |          |      |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------|----------|-------------------|-----------------|----------|------|
|      |                                                                                                   |                                                                              | Quy tắc sản xuất chung                                                                                         | Quy tắc sản xuất cụ thể | Các chất hoặc sản phẩm không được phép | Xúc phạm | Tài liệu và hồ sơ | Quy tắc cho GoO | Ghi nhãn | Khác |
| 1.   | Các trường hợp không tuân thủ được thiết lập – TOTAL                                              |                                                                              |                                                                                                                |                         |                                        |          |                   |                 |          |      |
| 1.a. | Các trường hợp được thành lập cho cơ quan có thẩm quyền/cơ quan kiểm soát/cơ quan kiểm soát 1     |                                                                              |                                                                                                                |                         |                                        |          |                   |                 |          |      |
| 1.b. | Các trường hợp được thiết lập cho cơ quan có thẩm quyền / cơ quan kiểm soát / cơ quan kiểm soát 2 |                                                                              |                                                                                                                |                         |                                        |          |                   |                 |          |      |
| 1.c. | Các trường hợp được thành lập cho cơ quan có thẩm quyền/cơ quan kiểm soát/cơ quan kiểm soát 3     |                                                                              |                                                                                                                |                         |                                        |          |                   |                 |          |      |
| ...  | Tiếp tục và liệt kê tất cả các cơ quan / cơ quan chức năng                                        |                                                                              |                                                                                                                |                         |                                        |          |                   |                 |          |      |

**2. Các biện pháp được thực hiện đối với các trường hợp không tuân thủ nghiêm trọng và nghiêm trọng đã được thiết lập**

| Số trường | Các biện pháp được thực hiện đối với các trường hợp không tuân thủ đã được thiết lập |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|

|                                   |                                                                                         |                                                                                                                              |                                                                                                                   |                          |                                |                          |                         |                                                  |      |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------|------|
| hợp không tuân thủ được thiết lập | Cải thiện việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát do người vận hành đưa ra | Không có tham chiếu đến sản xuất hữu cơ trong việc ghi nhãn và quảng cáo của toàn bộ lô hoặc hoạt động sản xuất có liên quan | Cấm đưa (các) sản phẩm bị ảnh hưởng ra thị trường có liên quan đến sản xuất hữu cơ, trong một thời gian nhất định | Giai đoạn chuyển đổi mới | Giới hạn phạm vi của chứng chỉ | Đình chỉ giấy chứng nhận | Thu hồi giấy chứng nhận | Biện pháp khắc phục vẫn còn phải được quyết định | Khác |
| (A)                               | (B1)                                                                                    | (B2)                                                                                                                         | (B3)                                                                                                              | (B4)                     | (B5)                           | (B6)                     | (B7)                    | (B8)                                             | (B9) |
|                                   |                                                                                         |                                                                                                                              |                                                                                                                   |                          |                                |                          |                         |                                                  |      |

**Bảng 3**

## **Giám sát & Kiểm toán**

Hoạt động của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến

- các cơ quan kiểm soát mà nó đã ủy thác một số nhiệm vụ nhất định
- sự giám sát của các cơ quan kiểm soát đó
- việc rút ủy quyền cho các cơ quan kiểm soát đó
- Kiểm toán các cơ quan kiểm soát

### **1. Cơ quan kiểm soát mới được cấp có thẩm quyền ủy nhiệm nhiệm vụ, cơ quan kiểm soát đã rút ủy quyền**

|                                                   | Số lượng cơ quan kiểm soát | Nhận xét khi cần thiết |
|---------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|
| Số vào đầu năm báo cáo (1 tháng 1 của năm N)      | (A)                        |                        |
| Các cơ quan kiểm soát mới trong năm N             | (B)                        |                        |
| Các cơ quan kiểm soát đã rút ủy quyền trong năm N | (C)                        |                        |
| Số vào cuối năm báo cáo (31 tháng 12 của năm N)   | (D)                        |                        |

### **2. Giám sát cơ quan kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền**

#### **2.a. Tổng số về giám sát của cơ quan kiểm soát**

|  | Số lượng cơ quan kiểm | Số lượng kiểm toán giám sát của các cơ quan kiểm soát do cơ quan có | Phạm vi kiểm soát của cơ quan kiểm soát bằng kiểm toán | Bình luận |
|--|-----------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------|
|--|-----------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------|

|                                                                                               | soát vào cuối năm báo cáo | thẩm quyền thực hiện trong năm báo cáo | giám sát của cơ quan có thẩm quyền | khi cần thiết |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|------------------------------------|---------------|
|                                                                                               | (D)                       | (E)                                    | (F) = (E)/(D)                      |               |
| Số lượng cơ quan kiểm soát - Số lượng kiểm toán giám sát trong năm báo cáo - phạm vi bảo hiểm |                           |                                        |                                    |               |

Tổng số Cơ quan kiểm soát được phê duyệt (D) phải tương ứng với số lượng được báo cáo theo mục 1

## 2.b. Chi tiết giám sát trên mỗi cơ quan kiểm soát

| Liệt kê tất cả các cơ quan kiểm soát dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền | Số lượng nhà khai thác | Số lượng GoO | Kiểm toán được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền trong năm báo cáo có = 1/không = 0 | Số lượng hồ sơ vận hành được xem xét trong kiểm toán giám sát trong năm báo cáo | Phạm vi bao gồm số lượng tập toán tử được xem xét so với tổng số nhà khai thác | Số lượng tập GoO được xem xét trong quá trình kiểm toán trong năm báo cáo | Phạm vi bao gồm số lượng tập GoO được xem xét so với tổng số GoO | Cho biết số tham chiếu của biểu mẫu riêng lẻ đã hoàn thành cho cơ quan kiểm soát (mẫu "biểu mẫu cá nhân cho cơ quan kiểm soát" đính kèm) |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mã số                                                                           | (G)                    | (H)          | (I)                                                                                   | (J)                                                                             | (K) = (J)/(G)                                                                  | (L)                                                                       | (M) = (L)/(H)                                                    | (N)                                                                                                                                      |
|                                                                                 |                        |              |                                                                                       |                                                                                 |                                                                                |                                                                           |                                                                  |                                                                                                                                          |
|                                                                                 |                        |              |                                                                                       |                                                                                 |                                                                                |                                                                           |                                                                  |                                                                                                                                          |
|                                                                                 |                        |              |                                                                                       |                                                                                 |                                                                                |                                                                           |                                                                  |                                                                                                                                          |
|                                                                                 |                        |              |                                                                                       |                                                                                 |                                                                                |                                                                           |                                                                  |                                                                                                                                          |
|                                                                                 |                        |              |                                                                                       |                                                                                 |                                                                                |                                                                           |                                                                  |                                                                                                                                          |
|                                                                                 |                        |              |                                                                                       |                                                                                 |                                                                                |                                                                           |                                                                  |                                                                                                                                          |
|                                                                                 |                        |              |                                                                                       |                                                                                 |                                                                                |                                                                           |                                                                  |                                                                                                                                          |

## 3. Hoạt động kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền thực hiện đối với cơ quan kiểm soát (chỉ có liên quan nếu cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ kiểm soát cho cơ quan kiểm soát)

|  | Số lượng cơ quan kiểm soát mà cơ quan có thẩm quyền đã ủy thác nhiệm vụ kiểm soát | Số lần kiểm toán được thực hiện trên các cơ quan kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền | Phạm vi hoạt động của các cơ quan kiểm soát được cơ quan có thẩm quyền | Bình luận khi cần thiết |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
|--|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------|

|                   |     |     |                             |  |
|-------------------|-----|-----|-----------------------------|--|
|                   |     |     | kiểm toán trong năm báo cáo |  |
|                   | (K) | (L) | $(M) = (L)/(K)$             |  |
| Trong năm báo cáo |     |     |                             |  |

Bảng 4

## BIỂU MẪU CÁ NHÂN VỀ GIÁM SÁT CỦA CƠ QUAN KIỂM SOÁT

(Biểu mẫu có thể được hoàn thành bởi cơ quan có thẩm quyền cho mỗi cơ quan kiểm soát đã được kiểm toán giám sát trong năm báo cáo (tùy chọn))

|                                                                                     |                                                                |  |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--|--|
| Số tham chiếu biểu mẫu                                                              | sẽ được sao chép vào bảng đánh giá giám sát – trường dữ liệu K |  |  |
| Năm báo cáo                                                                         |                                                                |  |  |
| Cơ quan có thẩm quyền giám sát                                                      |                                                                |  |  |
| <b>Báo cáo kiểm toán giám sát</b>                                                   |                                                                |  |  |
| Tham khảo:                                                                          |                                                                |  |  |
| Ngày:                                                                               |                                                                |  |  |
| <b>Xác định cơ quan kiểm soát</b>                                                   |                                                                |  |  |
| Mã số                                                                               |                                                                |  |  |
| <b>TÓM TẮT NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH CỦA ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT</b>                          |                                                                |  |  |
| <b>1. Điều kiện phê duyệt cơ quan kiểm soát và phân cấp nhiệm vụ kiểm soát</b>      |                                                                |  |  |
| Vui lòng chèn văn bản                                                               |                                                                |  |  |
| <b>2. Các phát hiện liên quan đến việc tuân thủ các yêu cầu kiểm soát tối thiểu</b> |                                                                |  |  |
| Vui lòng chèn văn bản                                                               |                                                                |  |  |
| <b>3. Các phát hiện liên quan đến đánh giá rủi ro của người vận hành</b>            |                                                                |  |  |
| Vui lòng chèn văn bản                                                               |                                                                |  |  |
| <b>4. Những phát hiện liên quan đến việc tuân thủ danh mục biện pháp quốc gia</b>   |                                                                |  |  |
| Vui lòng chèn văn bản                                                               |                                                                |  |  |
| <b>5. Kết quả liên quan đến trao đổi thông tin với cơ quan có thẩm quyền</b>        |                                                                |  |  |
| Vui lòng chèn văn bản                                                               |                                                                |  |  |
| <b>6. Những phát hiện khác</b>                                                      |                                                                |  |  |

|                                 |
|---------------------------------|
| Vui lòng chèn văn bản           |
| <b>7. Kết luận chung</b>        |
| Vui lòng chèn văn bản + A1: C24 |

Bảng 5

**Các hành động và biện pháp được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền trong năm báo cáo để đảm bảo hiệu quả kiểm soát chính thức của các cơ quan kiểm soát/cơ quan kiểm soát**

|                                                                                                             |                     |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--|
| Dữ liệu lấy từ                                                                                              | Quốc gia thành viên |  |
| Thì                                                                                                         | Năm                 |  |
| <b>1. Pháp luật quốc gia</b>                                                                                |                     |  |
| Vui lòng chèn văn bản                                                                                       |                     |  |
| <b>2. Quy trình kiểm soát mới, cập nhật hoặc sửa đổi</b>                                                    |                     |  |
| Vui lòng chèn văn bản                                                                                       |                     |  |
| <b>3. Hoạt động đào tạo</b>                                                                                 |                     |  |
| Vui lòng chèn văn bản                                                                                       |                     |  |
| <b>4. Cung cấp các nguồn lực bổ sung hoặc phân bổ lại các nguồn lực hiện có sau khi xem xét các ưu tiên</b> |                     |  |
| Vui lòng chèn văn bản                                                                                       |                     |  |
| <b>5. Sáng kiến kiểm soát đặc biệt</b>                                                                      |                     |  |
| Vui lòng chèn văn bản                                                                                       |                     |  |
| <b>6. Thay đổi tổ chức, quản lý của cơ quan có thẩm quyền</b>                                               |                     |  |
| Vui lòng chèn văn bản                                                                                       |                     |  |
| <b>7. Khác</b>                                                                                              |                     |  |
| Vui lòng chèn văn bản                                                                                       |                     |  |